BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA NGÀNH THANH NHẠC
HỆ ĐẠI HỌC KHÓA 9 (2021 - 2025)

TT	Học kỳ	Mã HP	KHỐI KIẾN THỨC - HỌC PHẦN	Tổng số TC	Học kỳ I				Học kỳ II				Học kỳ III				Học kỳ IV				Học kỳ V				Học kỳ VI				Học kỳ VII				Học kỳ VIII				Ghi chú
					Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
1		**M1**	**KHỐI KIẾN THỨC CHUNG**	**29**																																	
			Các học phần bắt buộc	***29***																																	
1	1	POL2009	Triết học Mác-Lênin	3	3	32	8	5																													
2	2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2					2	20	8	2																									
3	3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									2	20	8	2																					
4	4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2													2	20	8	2																	
5	5	POL2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2																	2	20	8	2													
6	6	INF2001	Tin học cơ bản	2																					2	5	15	10									
7	1	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	4	16	40	4																													
8	2	CFL2002	Tiếng Anh 2	3					3	22	20	3																									
9	6	CFL2005	Tiếng Anh chuyên ngành (AN)	2																					2	5	20	5									
10	1	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	2	3	25	2																													
11	2	PPE2011	Giáo dục thể chất 2	3					3	5	37	3																									
11		GDQP	Giáo dục quốc phòng																																		
12	6	POL2007	Pháp luật đại cương	2																					2	20	8	2									
12		M2	**KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN CHUNG CỦA NHÓM NGÀNH**	**16**																																	
12			***Các học phần bắt buộc***	***9***																																	
13	5	PPE2008	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2																	2	20	8	2													
14	7	MUS2002	Mỹ học (AN)	2																									2	20	8	2					
15	4	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3													3	30	12	3																	
16	5	CLM2010	Đường lối VHVN của ĐCS Việt Nam	2																	2	20	8	2													
16			*Các học phần tự chọn*	***7 /11***																																	
17	7	MUS2078	Đại cương các loại hình nghệ thuật	2																									2	20	8	2					
17		PPE2003	Quản lý HCNN & Quản lý ngành GD&ĐT	2																																	
18	2	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3					3																												
17		PPE2004	Tâm lý học Nghệ thuật	2																																	
18	5	CFL2008	Tiếng việt thực hành	2																	2	10	18	2													
18		M3	**KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH**	**33**																																	
18			***Các học phần bắt buộc***	***23***																																	
19	3	MUS2060	Lịch sử âm nhạc thế giới 1	2									2	10	18	2																					
20	4	MUS2061	Lịch sử âm nhạc thế giới 2	2													2	10	18	2																	
21	5	MUS2057	Âm nhạc Việt nam	2																	2	10	18	2													
22	1	MUS2008	Lý thuyết Âm nhạc 1	3	3	20	22	3																													
23	2	MUS2009	Lý thuyết Âm nhạc 2	2					2	10	18	2																									
24	4	MUS2024	Phân tích tác phẩm 1	2													2	10	18	2																	
25	3	MUS2062	Hòa thanh 1	2									2	10	18	2																					
26	1	MUS2017	Ký xướng âm 1	2	2	3	25	2																													
27	2	MUS2018	Ký xướng âm 2	2					2	3	25	2																									
28	3	MUS2019	Ký xướng âm 3	2									2	3	25	2																					
29	4	MUS2020	Ký xướng âm 4	2													2	3	25	2																	
29			*Các học phần tự chọn*	***10 /16***																																	
29		MUS2015	Nhập môn phức điệu	2																																	
30	7	MUS2012	Sáng tác	2																									2	5	23	2					
31	3	MUS2030	Giới thiệu nhạc cụ	2									2	5	15	10																					
32	3	VMU2001	Dân ca	2									2	5	23	2																					
32		MUS2033	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	2																																	
32		MUS2074	Chuyển soạn cho Hợp xướng	2																																	
33	4	PPE2002	Giáo dục học	4													4	30	28	2																	
33		M4	**KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**	**27**																																	
33			***Các học phần bắt buộc***	***25***																																	
34	1	VMU2004*	Thanh nhạc 1.1	1	1	1	13	1																													
35	2	*VMU2004	Thanh nhạc 1.2	1					1	1	13	1																									
36	3	VMU2005*	Thanh nhạc 2.1	1									1	1	13	1																					
37	4	*VMU2005	Thanh nhạc 2.2	1													1	1	13	1																	
38	5	VMU2006*	Thanh nhạc 3.1	1																	1	1	13	1													
39	6	*VMU2006	Thanh nhạc 3.2	1																					1	1	13	1									
40	7	VMU2007*	Thanh nhạc 4.1	1																									1	1	13	1					
41	8	*VMU2007	Thanh nhạc 4.2	1																													1	1	13	1	
42	1	PIA2023*	Piano 1.1	1	1																																
43	2	*PIA2023	Piano 1.2	1					1																												
44	3	PIA2024*	Piano 2.1	1									1																								
45	2	MUS2080	Hợp xướng 1	2					2	3	25	2																									
46	3	MUS2081	Hợp xướng 2	2									2	3	25	2																					
47	4	VMU2010	Kỹ thuật diễn viên	2													2	8	20	2																	
48	5	VMU2030	Phát âm tiếng Ý	2																	2																
48	6	VMU2022	Lịch sử & phương pháp sư phạm Thanh nhạc	3																					3												
48		VMU2024	Phương pháp thể hiện ca khúc	2																																	
49	5	VMU2025	Thực hành biểu diễn	3																	3	12	30	3													
49			*Các học phần tự chọn*	***2 /7***																																	
49		IMU2006	Đệm đàn 1	2																																	
49		IMU2007	Đệm đàn 2	3																																	
50	5	MUS2075*	Chỉ huy hợp xướng A																			*	*	*												
51	6	*MUS2075	Chỉ huy hợp xướng	2																					2	2	26	2									
51		VMU2013	Các chuyên đề khác																																		
51		M5	**KHỐI KIẾN THỨC THỰC TẾ VÀ TỐT NGHIỆP**	**26**																																	
51			***Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp***	***12***																																	
52	6	VMU2014	Thực tập nghề nghiệp 1	6																					6												
53	7	VMU2015	Thực tập nghề nghiệp 2	6																									6								
53			*Khối kiến thức tốt nghiệp*	***14 /14***																																	
54	8	VMU2016	Chương trình biểu diễn nghệ thuật tốt nghiệp	14																															14		
			Tổng số tín chỉ:	***131***	**16**				**19**				**16**				**18**				**16**				**18**				**13**				**15**				
			Tổng số tiết lý thuyết:	***131***		**75**				**64**				**57**				**112**				**93**				**33**				**46**				**1**			
			Tổng số tiết thực hành:	***816***			**133**				**146**				**145**				**142**				**103**				**82**				**52**				**13**		
			Tổng số tiết tự học:	***113***				**17**				**15**				**23**				**16**				**14**				**20**				**7**				**1**	

Tổng số tín chỉ của khóa học đã bao gồm 5 tín chỉ học phần Giáo dục thể chất

Hà Nội, ngày……tháng.....năm.....

Người lập biểu	Khoa Giáo dục đại cương	Khoa Piano và Thanh nhạc	Phòng Đào tạo	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Bảo Châu	Lương Thanh Hải	Đỗ Hương Giang	Nguyễn Văn Định	PGS.TS. Đào Đăng Phượng